

Bản án số: 61/2024/DS-PT

Ngày: 09/5/2024

V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tân

*Các thẩm phán:* Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:** Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1976; “Vắng”

Địa chỉ: Số nhà C T, phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện cho nguyên đơn: Ông Trịnh Danh D - Sinh năm 1977; “Có mặt”

Địa chỉ: S Q, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, “ Theo văn bản ủy quyền số 3277 ngày 21 tháng 6 năm 2023”

**2. Bị đơn:** Ủy ban nhân dân phường H;

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T1 – Chức vụ: Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Ông Nguyễn Lê H – Chức vụ: Phó chủ tịch -

Địa chỉ: Số nhà B Bà T, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2024) “Có mặt”

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. UBND thành phố T**

Địa chỉ: Đại Lộ N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh C – Chức vụ: Chủ tịch.

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà **Đào Thị Thanh T2** – Chức vụ; Phó Trưởng phòng tư pháp **UBND thành phố T** “Theo văn bản ủy quyền số 11126 ngày 02 tháng 12 năm 2023”, “Vắng”

3.2. Ông **Trịnh Danh D**, sinh năm 1977; “Có mặt”

Địa chỉ; **số nhà A phố Q phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Nguyễn Xuân T**.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Nguyễn Xuân T** trình bày:*

Ngày 28/4/2021, ông **Nguyễn Xuân T** đã ký hợp đồng với **UBND phường H, thành phố T** thuê, mượn đất số 01/2021/HĐTMD, mục đích thuê để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, thời hạn thuê đất là 05 tính từ ngày 28/4/2021, ông **T** đã thực hiện nghĩa vụ tài chính với **UBND phường H**.

Năm 2021, ông **Nguyễn Xuân T** có đơn xin xây dựng tạm nhà để ương giống, nuôi cấy mô, cây giống để phục vụ cho phát triển nông nghiệp, **UBND phường H** đã chấp thuận cho xây dựng, do nhu cầu xây dựng vườn ương tăng so với ban đầu 600m<sup>2</sup> ông **T** đã xây dựng trên diện tích 1.049m<sup>2</sup> so với diện tích mà **UBND phường H** chấp thuận cho xây dựng.

Tháng 11/2021, ông **T** đã hoàn thiện nhà ương giống, nhưng do thời tiết chưa phù hợp nên ông **T** đã đưa một vài vật dụng thiết yếu vào nhà ương giống.

Sau khi ông **T** xây nhà được 01 tháng thì **UBND phường H** thông báo ông **T** xây dựng trên đất sử dụng sai mục đích, ngày 12/11/2021 **UBND thành phố** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11565/QĐ – XPVPHC, mức tiền phạt 45.000.000 đồng. Biện pháp khắc phục hậu quả; buộc ông **Nguyễn Xuân T** tháo dỡ công trình xây dựng và khôi phục lại tình trạng ban đầu. Ông **T** nhận thức được việc xây dựng nhà ương giống có tăng diện tích 1049,0 m<sup>2</sup> (vượt quá 449m<sup>2</sup>) ông **T** đề nghị xin được tháo dỡ 449 m<sup>2</sup> nhưng cả **UBND phường H** và **UBND thành phố T** đều không đồng ý.

Theo chứng thư thẩm định giá số 2304104/CTTĐ –AMC ngày 12/4/2023 của **Công ty TNHH Q** tổng công trình xây dựng trên diện tích đất 1.049m<sup>2</sup> là 3.036.000.000 đồng.

Ngày 13/4/2023, **UBND phường H** và **UBND thành phố T** đã cưỡng chế tháo dỡ toàn bộ hạng mục xây dựng trên đất mà ông **T** thuê.

Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp ông **Nguyễn Xuân T** đề nghị Tòa án giải quyết buộc **UBND phường H** bồi thường toàn bộ chi phí xây dựng nhà ương giống đối với diện tích xây dựng 600m<sup>2</sup> được **UBND phường H** chấp nhận thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 69 đo vẽ năm 2011 tại địa chỉ: **G, phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa** với số tiền là 1.736.510.000đ.

*Theo bị đơn trình bày:* Ngày 28/4/2021, UBND phường H ký hợp đồng thuê, mượn đất số 01/2021/HĐTMD đối với ông Nguyễn Xuân T, SN 35 T, phố L, phường H, thành phố T, với diện tích là 1.000m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng là 05 năm, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 69 phường H đo vẽ năm 2011, loại đất: LNK. Mục đích sử dụng đất thuê, mượn là: Sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

Sau khi có HĐ thuê đất số 01/2021, ông Nguyễn Xuân T có đơn xin dựng nhà kho tạm để ươm cây giống, nuôi cấy mô, cây giống phục vụ cho phát triển nông nghiệp. Trong đơn ông có đề nghị (xin dựng khung nhà tạm để che nắng, che mưa, phục vụ cho việc ươm cây giống, nuôi cấy mô, nhân giống các loại cây nông nghiệp để bán ra thị trường phát triển kinh tế hộ gia đình). Chất liệu: Dựng khung nhà bằng cột, kèo sắt lắp ghép tạm với diện tích khoảng 600m<sup>2</sup>, mái lợp tôn, cao khoảng 3,5m và có phần cam kết kèm theo:

“Sử dụng đất đúng mục đích vào sản xuất nông nghiệp theo các quy định của pháp luật. Không xây dựng các công trình khi chưa được các cấp có thẩm quyền cho phép. Tự nguyện tham gia đóng góp xây dựng địa phương, tham gia các hoạt động phong trào của phố, của phường để xây dựng địa phương ngày càng phát triển. Khi nào Nhà nước thực hiện quy hoạch thì tôi xin tự giác di chuyển tài sản, cây cối, hoa màu và giải phóng bàn giao mặt bằng sạch, không đòi bồi thường, hỗ trợ gì cả về phần tài sản và phần đất”.

Tuy nhiên, khi ông Nguyễn Xuân T thi công xây dựng công trình chưa được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng thì đã tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất để làm mặt bằng, dựng nhà kho khung sắt, tường bao quanh bằng tôn, mái lợp tôn thành công trình kiên cố trên diện tích 1.049,0m<sup>2</sup>. Từ khi ông Nguyễn Xuân T bắt đầu có hoạt động san lấp, tạo mặt bằng, ngày 29/9/2021, UBND phường H đã phối hợp với Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố xuống kiểm tra và lập biên bản về việc sử dụng đất và xây dựng công trình, “Biên bản kiểm tra đã ghi nhận ông Nguyễn Xuân T đang tiến hành dựng 01 dạng nhà khung sắt trên thửa đất số 33, tờ 69, bản đồ kỹ thuật số phường H đo vẽ năm 2011. Tại thời điểm kiểm tra, ông Nguyễn Xuân T không xuất trình được các giấy tờ chứng minh về giấy cấp phép xây dựng của cấp có thẩm quyền theo quy định”.

Đến ngày 18/10/2021, UBND phường H đã kiểm tra và lập biên bản V/v xây dựng công trình trên đất thuê để sản xuất nông nghiệp đối với ông Nguyễn Xuân T và yêu cầu dừng ngay hoạt động xây dựng, đồng thời hoàn thiện các hồ sơ cấp phép xây dựng theo quy định khi đó mới được xây dựng tiếp. Sau đó, UBND phường H đã có Thông báo số 105/TB-UBND ngày 22/10/2021 V/v: Dừng thi công lắp ghép, dựng công trình đối với ông Nguyễn Xuân T, vi phạm tại tổ D, phố H, P. H, TP T.

Qua nhiều lần kiểm tra, nhắc nhở yêu cầu ông Nguyễn Xuân T phải dừng ngay hoạt động xây dựng khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo quy định nhưng ông Nguyễn Xuân T không chấp hành mà vẫn cố tình vi phạm.

Ngày 27/10/2021, UBND phường H phối hợp với Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố lập Biên bản vi phạm hành chính số 191/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với công trình vi phạm của ông Nguyễn Xuân T. Trong biên bản vi phạm hành chính có ghi nhận ông Nguyễn Xuân T đang cho thợ thi công, tiến hành dựng 20 cột sắt, lắp ghép công trình dạng nhà kho, xưởng trên diện tích 1.049,0m<sup>2</sup> (42,3m x 24,8m). Hành vi của ông Nguyễn Xuân T đã vi phạm Điểm d, khoản 2 và khoản 3, Điều 11, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 12/11/2021, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 11565/QĐ-XPVPHC Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Xuân T, mức tiền phạt là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn). Biện pháp khắc phục hậu quả; buộc ông Nguyễn Xuân T phải tháo dỡ nhà kho, khung sắt, tường bao quanh bằng tôn, mái lợp tôn có diện tích 1.049,0m<sup>2</sup> nhưng ông Nguyễn Xuân T không chấp hành thực hiện nộp tiền phạt vào ngân sách Nhà nước và khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt. Sau đó, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 626/QĐ-CCXP ngày 12/01/2022 về Cường chế thi hành ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11565/QĐ-XPVPHC.

Ông Nguyễn Xuân T không đồng ý với hai (02) Quyết định của UBND thành phố T và đã khởi kiện vụ án hành chính, sau khi có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ngày 21/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BPKCTT “Về việc; Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời”, UBND thành phố T đã tạm dừng thi hành cường chế đối với công trình vi phạm của ông Nguyễn Xuân T. Sau một thời gian dài, UBND phường H đã phối hợp với UB Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội phường, Ban cán sự phố L để vận động ông Nguyễn Xuân T thực hiện Quyết định xử phạt của UBND thành phố và tự giác tháo dỡ công trình vi phạm nhưng ông Nguyễn Xuân T vẫn không chấp hành. Thường trực Đảng ủy phường đã làm việc với cấp ủy phố L (chi bộ có đảng viên vi phạm), làm việc với đảng viên vi phạm ông Nguyễn Xuân T để vận động đảng viên tự giác tháo dỡ công trình vi phạm, nhưng ông Nguyễn Xuân T vẫn không chấp hành thực hiện các Quyết định của UBND thành phố và tự giác tháo dỡ công trình vi phạm.

Tại bản án số 43/2022/HC-ST, ngày 07/9/2022 V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực đất đai”. Tại khoản 1 Quyết định của bản án có nêu: “Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về các yêu cầu hủy: Quyết định số 11565/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 626/QĐ-CCXP ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc Cường chế thi hành Quyết định xử phạt 11565/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2021”. Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và sửa đổi bổ sung năm 2020, sửa đổi bổ sung khoản 1 điều 86 về cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cường chế thi hành Quyết định vi phạm hành chính của UBND thành phố T là đúng theo quy định của pháp luật.

Thực hiện theo các quy trình của pháp luật, UBND phường H đã phát hành Thông báo số 45/TB-UBND ngày 31/3/2023 về Tổ chức thi hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Xuân T. Trong thời gian đang niêm phong tài sản vi phạm, ông Nguyễn Xuân T đã có đơn xin được tự giác di chuyển hàng hóa và tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm. Được sự hỗ trợ của UBND phường H, UBND thành phố T cùng với hộ ông Nguyễn Xuân T di chuyển hàng hóa, tháo dỡ công trình vi phạm, đến nay đã thực hiện xong.

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T, UBND phường H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về việc yêu cầu UBND phường H phải bồi thường toàn bộ chi phí xây dựng nhà ươm giống đối với diện tích xây dựng 600m<sup>2</sup> và số tiền là 1.736.510.000đ.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Danh D trình bày:** Ông và ông Nguyễn Xuân T có cùng nhau đầu tư tiền để xây dựng nhà kho, ông đồng ý với ông T khởi kiện UBND phường H, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên diện tích 600m<sup>2</sup> nhà kho ông T đã xây dựng trên đất của UBND phường H cho xây dựng nhà kho tạm. Về phần góp tiền đầu tư xây dựng cùng với ông Nguyễn Xuân T, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, ông T và ông D tự giải quyết với nhau.

**Về ý kiến của UBND thành phố T:** Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 43/2022/HC-ST, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về các yêu cầu hủy: Quyết định số 11565/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 626/QĐ-CCXP ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt 11565/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2021. Do vậy ông T có yêu cầu khởi kiện UBND phường H bồi thường 1.736.510.000đ, UBND thành phố T không đồng ý vì không có căn cứ.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:**

Căn cứ: Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 5 Điều 147 của BLTTDS, Điều 351, 363 và 364 của BLDS, căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về việc:

Ông Nguyễn Xuân T yêu cầu Tòa án buộc; UBND phường H phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ chi phí xây dựng nhà ươm giống cây đối với diện tích 600m<sup>2</sup> được UBND phường H chấp thuận thuộc một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ 69 bản đồ địa chính phường H đo vẽ năm 2011, tại địa chỉ: G tổ D, phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cho ông đối với số tiền là 1.736.510.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Xuân T phải chịu 64.095.300 đồng. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 32.047.000đồng ông T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003078 ngày 05/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, ông T còn phải nộp 32.048.300đồng (Ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm đồng)

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

**Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T kháng cáo với nội dung:**

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án sửa bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 18/01/2024 của TAND thành phố Thanh Hóa theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc UBND phường H bồi thường toàn bộ chi phí xây dựng nhà ươm giống cây trồng, nuôi cấy mô, cây giống phục vụ cho phát triển nông nghiệp, diện tích 600m<sup>2</sup> được UBND phường chấp thuận, số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại là 1.736.510.000đ.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự, tại cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bác kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí DSPT vì kháng cáo không được chấp nhận.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND phường H, thành phố T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.736.510.000đ, do bị ảnh hưởng của quyết định cưỡng chế, được xác định đây là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 14 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo trong hạn, các đương sự không thỏa thuận, hòa giải được với nhau nội dung tranh chấp, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T:

Ngày 28/4/2021, UBND phường H ký hợp đồng thuê, mượn đất số 01/2021/HĐTMĐ đối với ông Nguyễn Xuân T, số nhà C T, phố L, phường H, thành phố T, với diện tích là 1.000m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng là 05 năm, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 69 phường H đo vẽ năm 2011, loại đất: LNK. Mục đích sử dụng đất thuê, mượn là: Sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

Sau khi thuê đất, ông Nguyễn Xuân T có đơn đề nghị (xin dựng khung nhà tạm để che nắng, che mưa, phục vụ cho việc ươm cây giống, nuôi cấy mô, nhân giống các loại cây nông nghiệp để bán ra thị trường phát triển kinh tế hộ gia đình). Chất liệu: Dựng khung nhà bằng cột, kèo sắt lắp ghép tạm với diện tích khoảng 600m<sup>2</sup>, mái lợp tôn, cao khoảng 3,5m và có phần cam kết kèm theo:

“Sử dụng đất đúng mục đích vào sản xuất nông nghiệp theo các quy định của pháp luật. Không xây dựng các công trình khi chưa được các cấp có thẩm quyền cho phép. Tự nguyện tham gia đóng góp xây dựng địa phương, tham gia các hoạt động phong trào của phố, của phường để xây dựng địa phương ngày càng phát triển. Khi nào Nhà nước thực hiện quy hoạch thì tôi xin tự giác di chuyển tài sản, cây cối, hoa màu và giải phóng bàn giao mặt bằng sạch, không đòi bồi thường, hỗ trợ gì cả về phần tài sản và phần đất”.

Đơn của ông Nguyễn Xuân T được UBND phường H xác nhận nội dung thống nhất theo đơn xin dựng nhà tạm phục vụ cho phát triển nông nghiệp, yêu cầu ông T thực hiện theo đúng nội dung cam kết.

Tuy nhiên, khi ông Nguyễn Xuân T thi công xây dựng công trình chưa được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng thì đã tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất để làm mặt bằng, dựng nhà kho khung sắt, tường bao quanh bằng tôn, mái lợp tôn thành công trình kiên cố trên diện tích 1.049,0m<sup>2</sup>. Từ khi ông Nguyễn Xuân T bắt đầu có hoạt động san lấp, tạo mặt bằng, ngày 29/9/2021, UBND phường H đã phối hợp với Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố xuống kiểm tra và lập biên bản về việc sử dụng đất và xây dựng công trình, “Biên bản kiểm tra đã ghi nhận ông Nguyễn Xuân T đang tiến hành dựng 01 dạng nhà khung sắt trên thửa đất số 33, tờ 69, bản đồ kỹ thuật số phường H đo vẽ năm 2011.

Qua nhiều lần kiểm tra, nhắc nhở yêu cầu ông Nguyễn Xuân T phải dừng ngay hoạt động xây dựng khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo quy định nhưng ông Nguyễn Xuân T không chấp hành mà vẫn cố tình vi phạm, tiếp tục xây dựng công trình kiên cố với 20 cột sắt, nhà khung sắt thép định hình chịu lực có diện tích 1049m<sup>2</sup>, sau khi xây dựng mặc dù đang trong quá trình

buộc phải dừng thi công nhưng ông T vẫn không dừng mà còn cho nhà kho đi vào hoạt động với mục đích dịch vụ thương mại là kho chứa hàng hóa, không sử dụng vào mục đích phát triển và sản xuất nông nghiệp.

Ngày 27/10/2021, UBND phường H phối hợp với Đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố lập Biên bản vi phạm hành chính số 191/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với công trình vi phạm của ông Nguyễn Xuân T. Trong biên bản vi phạm hành chính có ghi nhận ông Nguyễn Xuân T đang cho thợ thi công, tiến hành dựng 20 cột sắt, lắp ghép công trình dạng nhà kho, xưởng trên diện tích 1.049,0m<sup>2</sup> (42,3m x 24,8m). Hành vi của ông Nguyễn Xuân T đã vi phạm Điểm d, khoản 2 và khoản 3, Điều 11, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 12/11/2021, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 11565/QĐ-XPVPHC Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Xuân T, mức tiền phạt là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn). Biện pháp khắc phục hậu quả; buộc ông Nguyễn Xuân T phải tháo dỡ nhà kho, khung sắt, tường bao quanh bằng tôn, mái lợp tôn có diện tích 1.049,0m<sup>2</sup> nhưng ông Nguyễn Xuân T không chấp hành thực hiện nộp tiền phạt vào ngân sách Nhà nước và khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt. Sau đó, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 626/QĐ-CCXP ngày 12/01/2022 về Cưỡng chế thi hành ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11565/QĐ-XPVPHC.

Không đồng ý với các quyết định của UBND, ông T đã khởi kiện vụ án hành chính và yêu cầu khởi kiện của ông T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết Tại bản án số 43/2022/HC-ST, ngày 07/9/2022 đã quyết định: “Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về các yêu cầu hủy: Quyết định số 11565/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 626/QĐ-CCXP ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt 11565/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2021”;

Như vậy: Ông Nguyễn Xuân T là người đã vi phạm nội dung cam kết của hợp đồng thuê đất, tự ý chuyển đổi mục đích, xây dựng nhà kho kiên cố chứa hàng hóa như đường, sữa, bánh kẹo, nước ngọt..., vi phạm của ông T đã được các cơ quan có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Do đó ông Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc: UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa phải có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền là 1.736.510.000 đồng là không có cơ sở.

[3]. Về án dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo phúc thẩm không được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

\* **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 308; khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 351, 363 và 364 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về việc:

Ông Nguyễn Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND phường H phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ chi phí xây dựng nhà ươm giống cây đối với diện tích 600m<sup>2</sup> được UBND phường H chấp thuận thuộc một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ 69 bản đồ địa chính phường H đo vẽ năm 2011, tại địa chỉ: G tổ D, phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cho ông với số tiền là 1.736.510.000 đồng.

2. Về án phí Dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0001208 ngày 07 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Nguyên đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- TAND TP. Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Tân**